TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thái

Ông Đinh Xuân Trường

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Đức Định – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2025/TLST- HNGĐ ngày 17-7-2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-8-2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn I, xã L, tỉnh Lào Cai

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn C, xã L, tỉnh Lào Cai; nơi công tác: Ngân hàng N1 chi nhánh L, địa chỉ: Thôn F, xã L, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:* Chị và anh Hoàng Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22-01-2010 tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là UBND xã L, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hoà hợp trong cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi vã. Anh S thường xuyên chơi bời dẫn đến nợ nần, chị phải vay mượn tiền để trả nợ thay cho anh S nhiều lần nhưng anh S không thay đổi. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện chị và anh S

đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn S.

Về nuôi con: Chị và anh S có một con là Hoàng Khánh N, sinh ngày 12-08-2012, sau khi ly thân cháu N ở với chị H tại thôn I, xã L, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và đề nghị anh S phải cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 14/8/2025, bị đơn anh Hoàng Văn S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/01/2010 tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái. Anh chị chung sống hoà thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn đã được anh chị khắc phục nhưng không cải thiện được. Hiện anh và chị H đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị H yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

Về nuôi con: Anh và chị H có 01 con là Hoàng Khánh N, sinh ngày 12/8/2012. Sau khi ly thân cháu N đang ở với chị H và cháu N có nguyện vọng ở với mẹ nên anh đồng ý để chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/1 tháng cho đến khi cháu N trưởng thành.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án lấy lời khai của cháu Hoàng Khánh N có nguyện vọng được ở với mẹ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Giải quyết cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Hoàng Văn S.

Về nuôi con: Giao cháu Hoàng Khánh N, sinh ngày 12-8-2012 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh Hoàng Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/1 tháng, cho đến khi cháu Hoàng Khánh N đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Hoàng Văn S phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn anh Hoàng Văn S1 có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã L, tỉnh Lào Cai và có nơi ở và công tác tại thôn F, xã L, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Tại phiên tòa, chị H và anh S vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Hoàng Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của đương sự xác định, cuộc sống hôn nhân giữa chị H1 và anh S có nhiều mâu thuẫn. Anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả nên vợ chồng hiện đang sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị H yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, anh S đồng ý ly hôn.

Từ thực tế cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H và anh S thống nhất ly hôn. Quá trình Toà án giải quyết vụ án, đã thông báo cho chị H và anh S nhiều lần đến Toà án để hoà giải nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh S.

[3] Về nuôi con: Chị H và anh S có 01 con là Hoàng Khánh N, sinh ngày 12-08-2012, sau khi ly thân cháu N ở với chị H. Chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và đề nghị anh S phải cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Cháu N có nguyện vọng ở với mẹ. Anh S đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu N trưởng thành.

Xét thấy, sự thống nhất về việc nuôi dưỡng con của các đương sự là phù hợp với tình hình hiện tại, phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích và sự ổn định cuộc sống của cháu N nên giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và anh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Về án phí ly hôn: Chị H và anh S thuận tình ly hôn nên mỗi người phải chịu 25% mức án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự thống nhất được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nên anh S phải chịu 50% mức án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Hoàng Văn S.

2. Về nuôi con: Giao cháu Hoàng Khánh N, sinh ngày 12-8-2012 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh Hoàng Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Hoàng Khánh N đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Hoàng Văn S có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh S chưa thi hành thì hàng tháng anh S còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0000116 ngày 17-7-2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Lào Cai. Chị H được trả lại số tiền 225.000 đồng *(Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*. Anh Hoàng Văn S phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV2- Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Lâm Thượng;
(CNKH số 11 ngày 22/01/2010)
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

T